

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ NGHỀ ĐAN CỎ TẾ XÃ PHÚ TÚC, HUYỆN PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI¹

TS. Vũ Hồng Thuật

Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam

Email: vuhongthuat@gmail.com

Tóm tắt: Tín ngưỡng thờ tổ nghề đan cỏ tế của dân làng Lưu Thượng (xã Phú Túc, huyện Phú Xuyên, Hà Nội) thể hiện lòng tri ân tới tổ nghề, được biểu hiện qua nhiều hình thức thực hành nghi lễ khác nhau, trong đó lễ cúng giỗ tổ nghề được xem là quan trọng nhất, khẳng định được các giá trị văn hóa truyền thống tôn vinh làng nghề nên được nhân dân lưu truyền và gìn giữ. Bài viết này bên cạnh việc phân tích vai trò, ý nghĩa của tín ngưỡng thờ cúng tổ nghề với người dân làm nghề còn lý giải hiện tượng “nâng cấp” từ một nữ tổ nghề lên vị trí ngang hàng với Thành hoàng làng, được thờ trong cung cấm đình Lưu Thượng. Đây là một hiện tượng khá đặc biệt trong hệ thống tín ngưỡng làng nghề thủ công truyền thống ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Tín ngưỡng, thờ cúng tổ nghề, đan cỏ tế, xã Phú Túc, huyện Phú Xuyên, Hà Nội.

Abstract: *Luu Thuong villagers' worship of the founder of the fern-grass weaving profession in Hanoi's Phu Tuc commune expresses gratitude to the craft's founder via many different forms of ritual practice. Among these, the ceremony of worshipping the founder's death anniversary is considered the most important. It asserts and honours the traditional cultural values of the craft village so that it has been handed down and preserved by the people. This article analyses the role and meaning of this worship to the people working in the profession. It also explains the phenomenon of raising a female founder to a position equal to that of a village God and worshipping her in the forbidden palace of Luu Thuong village's communal house - a rather unusual phenomenon in today's belief system of traditional craft villages in Vietnam.*

Keywords: *Belief, worship of the profession founder, fern-grass weaving, Phu Tuc commune, Phu Xuyen district, Hanoi.*

Ngày nhận bài: 15/8/2022; ngày gửi phản biện: 6/9/2022; ngày duyệt đăng: 8/10/2022.

¹ Bài viết này là kết quả của đề tài khoa học cấp Bộ “Nghiên cứu nghề đan lát truyền thống của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ từ cách tiếp cận Nhân học bảo tàng” do Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam chủ trì, PGS.TS. Trần Hồng Hạnh làm Chủ nhiệm năm 2021-2022.

Mở đầu

Tổ nghề còn gọi là “bách nghệ tổ sư”, “thánh sư”, “tổ sư” là người có công dạy nghề cho dân làng, sau khi mất được cộng đồng suy tôn làm tổ nghề và được thờ tại đình, đền của làng. Việc thờ cúng tổ nghề không chỉ thể hiện niềm tin tín ngưỡng của những người làm nghề mà còn là sự khẳng định, tôn vinh nghề thủ công truyền thống của làng nghề. Tín ngưỡng thờ tổ nghề hiện có hiện tượng “nâng cấp”, suy tôn tổ nghề làm thành hoàng thông qua thực hành tín ngưỡng xuất hiện ở nhiều làng nghề thủ công truyền thống. Bài viết này đề cập đến hoạt động tín ngưỡng thờ tổ nghề thông qua “kiến tạo” văn hóa của cộng đồng về truyền thuyết, sự tích và những thảo luận của chính quyền với người dân về việc khôi phục, nâng cấp tổ nghề trong bối cảnh xã hội đương đại để trở thành thành hoàng thờ cúng trong đình làng, qua đó phản ánh quá trình phát triển của làng nghề gắn với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở làng Lư Thượng.

1. Vài nét về xã Phú Túc và thôn Lư Thượng

Xã Phú Túc có 8 thôn (làng cũ): Trình Viên, Đường La, Phú Túc, Tư Sản, Lư Thượng, Lư Đông, Lư Xá, Hoàng Xá. Các thôn đều nằm trải dài hai bên trục đường chính liên xã với chiều dài 4,2km, chiều rộng 2,5km, tổng diện tích đất tự nhiên là 7.561ha, trong đó đất canh tác lúa nước là 560ha, còn lại là đất ở, đất công cộng, đất mặt nước ao, hồ nuôi thủy sản, gia cầm. Toàn xã có 2.527 hộ, 9.525 nhân khẩu. Cả 8 thôn đều làm nghề thủ công nhưng chỉ có thôn Lư Thượng được xem là làng nghề, bởi mức độ làm nghề (chẻ nan cỏ tế bán cho các làng nghề khác, làm các mặt hàng bằng cỏ tế) nhiều hơn và có phong tục, tập quán, tín ngưỡng thờ tổ nghề đặc sắc. Từ nghề làm thêm trong lúc nông nhàn để phụ vào thu nhập thấp do chỉ canh tác một vụ lúa chiêm trên vùng đất trũng thấp trước đây, nghề chẻ nan, đan cỏ tế nay đã trở thành nghề cho thu nhập chính. Làm nghề chiếm phần lớn thời gian lao động của cư dân (từ 7 giờ sáng đến 6 giờ tối); thậm chí khi khách hàng yêu cầu số lượng nhiều, phải làm nghề vào cả buổi tối và đêm muộn. Nghề chẻ nan cỏ tế phù hợp với mọi lứa tuổi, giới tính nên nhà nào cũng làm nghề, nhờ đó mà người làm nghề luôn có thu nhập ổn định.

Khoảng từ năm 1990 trở lại đây, người làng Lư Thượng có thêm nghề đan các sản phẩm gia dụng mỹ nghệ xuất khẩu mây tre đan; nhiều công ty, doanh nghiệp tư nhân được thành lập, tạo công ăn việc làm cho người trong và ngoài làng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhờ đó mà nghề truyền thống của làng ngày càng phát triển, thu nhập kinh tế của các hộ làm nghề ngày càng ổn định. Người dân làng Lư Thượng cho biết: *“Nghề chẻ nan cỏ tế rất nhẹ nhàng, từ trẻ nhỏ đến người già, nam nữ đều làm được. Vừa xem ti vi, nói chuyện, vừa chẻ nan. Mỗi ngày thu nhập từ 100 - 200 ngàn đồng”*. Người dân làng nghề Lư Thượng có thu nhập khá ổn định, nhiều hộ gia đình tích lũy được vốn làm ăn, xây dựng nhà cửa khang trang, mua ô tô, xe máy đắt tiền...

2. Hành trình tạo dựng tín ngưỡng thờ cúng tổ nghề

Các bô lão trong làng Lưu Thượng kể rằng, tổ nghề đan cỏ tế là bà Nguyễn Thảo Lâm, nhưng không rõ nguồn gốc, quê quán, bởi không có tài liệu ghi lại. Từ kết quả phỏng vấn sâu, có hai luồng ý kiến cho rằng: tổ nghề quê ở Thanh Hóa và tổ nghề vốn là người Hoa di cư từ Trung Quốc sang vào thế kỷ XVII. Song tất cả những người được phỏng vấn đều có một điểm thống nhất: tổ nghề là bà Nguyễn Thảo Lâm.

Theo Hồ sơ xếp hạng di tích lịch sử văn hóa đình làng Lưu Thượng, nghề đan cỏ tế ở xã Phú Túc có từ năm 1683. Phỏng vấn ông N.V.L. cho biết: *“Ban đầu bà Nguyễn Thảo Lâm đến làng Bù (cách xã Phú Túc khoảng 3km) dạy nghề đan cỏ tế cho dân làng này, nhưng ở đây người dân không đón nhận, nên bà đến làng Lưu Thượng, thấy người dân hồ hởi nên bà đã lưu lại, lập nghiệp và truyền nghề cho dân làng. Nhờ vậy, mà dân làng Lưu Thượng học được nghề đan cỏ tế, duy trì và phát triển đến nay”*. Theo Từ điển Hán - Việt, chữ “thảo” nghĩa là cỏ (cỏ tế), chữ “lâm” nghĩa là rừng, chữ “nguyễn” là họ Nguyễn (Phan Văn Các, 2001, tr. 155, 920, 1224). Còn người dân Lưu Thượng thì giải thích, “thảo lâm” là cây cỏ tế mọc trong rừng, được một người họ Nguyễn truyền nghề đan lát nên làng gọi tổ nghề là Nguyễn Thảo Lâm. Tổ nghề là người không có chồng con, đạo đức nhân nghĩa, khi bà qua đời, được dân làng chôn cất, xây mộ, lập miếu thờ ở xóm Trước (nay là xóm 1). Lưu truyền dân gian kể rằng, vào một năm khoảng đầu thế kỷ XX, có một trận mưa lớn, nước dâng ngập vào miếu, hộp đựng sách chữ Hán trôi dạt đến một gò đất ngoài cánh đồng làng Lưu Đông, được một người đi kéo vó bắt cá nhìn thấy, vớt lên, để trên gò đất, rồi chạy về làng báo với người phụ trách trong thôn. Các bô lão liền đi ra ngoài gò đất xem thực hư thế nào. Trong số người nêu trên, có người đọc được chữ Hán nên biết đây là thần phả của vị tổ nghề đan cỏ tế ở làng Lưu Thượng. Dân làng Lưu Đông cho rằng, đó là điềm thần muốn chọn đất lập miếu ở gò đất này và đó là điềm phúc đến với làng. Các quan viên, bô lão trong làng đến thương thảo với dân làng Lưu Thượng cùng nhau xây dựng đền thờ tổ nghề trên gò đất mới mà tổ đã chọn và được làng Lưu Thượng đồng thuận, cùng xây đền to đẹp và định ra quy chế thờ cúng.

Theo thỏa thuận giữa hai làng Lưu Thượng và Lưu Đông, làng Lưu Thượng thờ tổ nghề trước, nên được tôn là thôn Cả, còn làng Lưu Đông gọi là thôn Thứ. Trong ngày khánh thành đền, hai làng cùng thực hiện tế tổ nghề và làm lễ kết chạ. Mục đích của kết chạ là vừa duy trì thực hành tín ngưỡng, hội, vừa tương trợ lẫn nhau trong việc đắp đê chống nước lũ vào đồng ruộng, làng mạc,... Kể từ đó, hai làng cùng phụng sự tổ nghề. Theo tục truyền, vào ngày 14 tháng Mười, làng Lưu Đông rước kiệu tổ nghề lên đình Lưu Thượng mời Thành hoàng về đền dự hội và kiệu thờ lưu lại qua đêm tại sân đình. Sáng hôm sau, lại cùng kiệu làng Lưu Thượng rước Thành hoàng xuống đền dự lễ giỗ tổ nghề và cũng lưu lại qua đêm, đến sáng ngày hôm sau (16 tháng Mười), làng Lưu Thượng rước kiệu Thành hoàng trở về đình, kết thúc hội.

Trong quá trình thờ phụng tổ nghề đan cỏ tế, người trông coi đền Lưu Đông đã đưa thêm tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ vào trong đền. Tuy nhiên, từ sau Cải cách ruộng đất năm 1954, thực hiện chủ trương xây dựng nếp sống văn hoá mới, bài trừ “mê tín dị đoan”, chính

quyền xã Phú Túc không cho hai thôn rước kiệu thờ tổ nghề theo truyền thống như trước đây, mà mỗi thôn tự tổ chức. Ông L.V.N chia sẻ: *“Tôi tham gia cầm cờ hội trong lễ rước từ đình Lưu Thượng xuống đền Lưu Đông lần cuối cùng vào năm 1956. Kể từ đó đến nay, hai làng không còn thực hiện nghi lễ rước kiệu lên - xuống đình Lưu Thượng và ở lại qua đêm như trước đây nữa”*. Như vậy, từ năm 1956 đến nay, mối quan hệ kết chạ để tạo nên tính cố kết của hai làng không còn như trước. Nguyên nhân là dân làng Lưu Đông không làm nghề chẻ nan đan cỏ tế, mối quan hệ mưu sinh trong làng nghề không có, nên không còn chủ động quan hệ theo sự ràng buộc trong tín tục thờ tổ nghề. Trái lại, đền Lưu Đông đưa tín ngưỡng thờ Mẫu vào, nhiều người đi theo, nên việc thờ tổ nghề đan cỏ tế ở ngôi đền này trở thành thứ yếu, trong khi ban quản lý di tích đền Lưu Thượng cũng ít quan tâm đến đền. Hơn nữa, đền Lưu Đông lại cách xa làng Lưu Thượng khoảng 4 km, việc đến thắp hương tổ nghề tại đền cũng không thuận tiện. Trong bối cảnh ấy, người dân Lưu Thượng phải thích nghi với hoàn cảnh mới về đời sống tâm linh với vị tổ nghề của làng mình, bằng cách khôi phục tín ngưỡng thờ cúng tổ nghề và phối hợp thờ trong đình.

Theo lời kể của ông N.V.L, từ năm 1960 đến 1990, dân làng Lưu Thượng ít xuống đền Lưu Đông để thực hành nghi lễ thờ cúng tổ nghề, chỉ quan tâm, chăm sóc lăng mộ tổ nghề tại khu nghĩa trang thôn Lưu Thượng. Các hộ làm nghề mỗi khi thắp hương lên tổ tiên thì khẩn vọng tới tổ nghề; ngày giỗ tổ nghề thì những hộ làm nghề trong dòng họ Nguyễn đến thắp hương tại từ đường họ Nguyễn ở trong làng. Bà L.T.Y tâm sự: *“Tôi quê ở Thanh Hóa, năm 1966 tôi lấy chồng về đây và học nghề chẻ nan cỏ tế. Khi mẹ chồng tôi còn sống (mất năm 1989), bà thường nói với tôi, mỗi khi thắp hương cúng tổ tiên nhớ khẩn cầu đến tổ nghề. Tổ nghề vừa là người trong họ Nguyễn vừa là người mang nghề cho mình để có cuộc sống ấm no nên phải nhớ ơn mà khẩn cầu”*. Điều này cho thấy, việc trấn an rủi ro bằng thực hành thờ cúng mang tính tâm linh là một phương thức ứng xử đặc biệt giúp con người nâng cao niềm tin, chiến thắng được sợ hãi để tự tin, kiên định và lạc quan.

Từ năm 1954-1990, tín ngưỡng thờ cúng tổ nghề ở làng Lưu Thượng bị suy giảm, do bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Cuộc sống vật chất lẫn tinh thần của người dân từ nông thôn đến thành thị đều gặp khó khăn. Sản phẩm thủ công truyền thống của người Lưu Thượng làm ra không tiêu thụ được, mỗi ngày công chỉ làm ra được 1 kg gạo. Sau năm 1990, các mặt hàng thủ công đan lát của người Việt được xuất khẩu sang nhiều nước Đông Âu nên làng nghề chẻ nan đan cỏ tế của thôn Lưu Thượng được phục hồi, phát triển để bán cho các làng nghề đan lát mây tre đan ở các tỉnh đến thu mua nên thu nhập kinh tế của người làm nghề ngày càng ổn định. Cũng như nhiều làng nghề thủ công khác, việc khôi phục lại tín ngưỡng thờ cúng Thành hoàng nói chung và thờ cúng tổ nghề nói riêng được diễn ra tương đối phổ biến ở các tỉnh đồng bằng châu thổ Bắc Bộ, như làng nghề rèn sắt Đa Hội (nay là thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh), làng đan dó Tắt Viên (xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên) và nhiều làng nghề khác với mong muốn làng nghề phát triển. Ví dụ làng Đa Hội, sau Cách mạng Tháng Tám, tín ngưỡng thờ tổ nghề ở đình làng bị phê phán là “mê tín” nên bị loại bỏ ra khỏi cuộc sống của làng xã; thế hệ trẻ mãi làm ăn, buôn bán, nên mang tính thực dụng cao,

ít quan tâm đến đời sống tín ngưỡng. Sau Đổi mới, những người già lại có nhu cầu muốn khôi phục lại nơi thờ cúng tổ nghề rèn sắt là ông Trần Đức Huệ và được xem là một hiện tượng lạ lẫm, không theo lệ tục nào cả (DiGregorio, 2007).

Trong trường hợp làng nghề Lưu Thượng, ngay từ năm 1965, chính quyền xã Phú Túc đã chủ động thảo luận với cộng đồng dân làng về việc khôi phục lại thờ tổ nghề theo hình thức mới, phù hợp với xã hội hiện đại và đáp ứng với nhu cầu của người dân. Đó là thờ tổ nghề ở đình làng cùng với hai vị Thành hoàng làng là Sĩ Nhiếp và Lý Phục Man; tổ chức lễ cúng tổ nghề và rước kiệu quanh làng để quảng bá làng nghề, thay cho việc rước từ đình xuống đền Lưu Đông trước đây. Cuộc trao đổi, thảo luận kéo dài trong hai năm (1965-1966) vẫn chưa đi đến kết thúc. Ông N.V.N kể lại: có quan điểm cho rằng, trong đình là thờ Thành hoàng, là nam giới thì không thể cùng thờ tổ nghề là nữ thần được. Từ trước đến nay, chưa có làng nghề nào có tín tục thờ nam thần và nữ thần chung trong ngôi đình. Nếu các ngôi đình có thờ nam thần và nữ thần thường là thân mẫu hoặc vợ của thần. Đặc biệt tổ nghề của làng Lưu Thượng là người khác họ với hai vị Thành hoàng sẽ dẫn đến xung đột về văn hóa, tâm linh. Có ý kiến đồng ý khôi phục lại tín ngưỡng thờ tổ nghề ở khu đất cũ của xóm Trước, nhưng hiện nay nền đất miếu đã có người ở. Những người họ Nguyễn thì đưa ra quan điểm: tổ nghề đang thờ trong từ đường họ Nguyễn, ai có nhu cầu thì đến đó thắp hương và tham dự lễ cúng tổ nghề. Do khác biệt đó nên ý định khôi phục lại việc thờ tổ nghề không thể giải quyết được, vì vậy việc thờ cúng bị “bê trễ”. Đến năm 1991, chính quyền và đại diện các tổ chức xã hội trong xã, thôn tiếp tục thảo luận khôi phục tín ngưỡng và hội thờ tổ nghề, và bước đầu có sự đồng thuận về vị trí đặt ban thờ, cách thức thực hành nghi lễ, lễ cúng tổ nghề, tổ chức lễ hội. Vị trí đặt ban thờ là ở phía đầu hồi nhà gian tiền tế, không ảnh hưởng đến thành hoàng ở gian cung cấm. Như vậy, kể từ năm 1992, cộng đồng làng Lưu Thượng đã chính thức “nâng cấp”, “chuẩn hóa” tổ nghề bằng cách thực hành nghi thức bốc bát hương, làm thần vị, rước chân hương thờ tổ nghề từ đền Lưu Đông về phối thờ ở gian tiền tế bên trong đình Lưu Thượng. Ông L. cho biết, ngay sau khi ban thờ tổ nghề được thiết lập ở đình làng, từ đường họ Nguyễn đã mang bức ảnh chân dung tổ nghề vẽ trên giấy lụa và bức hoành phi đề chữ Hán “Bách nghệ tổ sư” mang ra đình để thờ.

Từ năm 1993 đến năm 2001, ban thờ tổ nghề được an vị ở đầu hồi bên phải gian tiền tế với chức năng chỉ là *phối thờ*. Trong thời gian này, làng nghề làm ăn thuận lợi, hàng hóa xuất khẩu sang nhiều nước; nhiều công ty doanh nghiệp mây tre đan trong làng được thành lập. Các doanh nghiệp tư nhân của làng nghề phát triển hưng thịnh, họ nhớ ơn tổ nghề và đã đóng góp kinh phí trong lễ cúng giỗ tổ nghề hàng năm. Họ cùng nhau kiến nghị lên chính quyền địa phương, Ban Quản lý di tích đình là tạc tượng tổ nghề và hai vị Thành hoàng để thờ trong khám thờ ở gian cung cấm, tạo sự uy nghiêm cho ngôi đình. Ông B.V.L chia sẻ: “*Ý kiến đề xuất của các doanh nghiệp được chính quyền và người dân đồng ý. Nghi thức chuyển bát hương tổ nghề từ tiền tế vào bên trong cung cấm được diễn ra trước lúc tiến hành nghi lễ hô thần nhập tượng tổ nghề và hai vị Thành hoàng làng. Buổi lễ diễn ra rất long trọng trước ngày cúng giỗ tổ nghề năm 2001*”. Tượng tạc thể hiện tính chân dung cao: trên khuôn mặt là

người phụ nữ đôn hậu, hiền thực. Tượng ngồi trên bục, tay phải cầm dao chẻ nan; trước tượng đặt bát hương, bài vị ghi chữ Hán “阮艸林- Nguyễn Thảo Lâm”. Những người làm nghề đan cỏ tế ở các làng nghề khác mang sản phẩm đan lát của làng nghề mình là đôi chim hạc đứng trên lưng rùa, chim phượng, lọ hoa, mâm bông dùng đựng lễ vật dâng cúng tổ nghề. Phía ngoài cung cấm treo bức đại tự “Bách nghệ tổ sư” (chữ Hán) tạo hình cuốn thư. Có thể nói, tín ngưỡng thờ tổ nghề luôn đồng hành cùng với sự phát triển của làng nghề và giữ vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của mỗi gia đình, doanh nghiệp làm nghề ở địa phương. Việc từng bước “chuẩn hóa” địa vị của tổ nghề, từ phối thờ ở bên ngoài đến thờ chính ở trong cung cấm, sánh ngang hàng với Thành hoàng, là kết quả của quá trình đối thoại giữa chính quyền với người dân, sự ủng hộ không ngừng của các chủ doanh nghiệp và những người thợ làm nghề.

Trải qua 21 năm (2001 - 2022), vị thế tổ nghề đan cỏ tế làng Lưu Thượng đã được chính thức hóa vai trò vừa là tổ nghề, vừa là thành hoàng. Trong văn hóa người Việt, nhiều trường hợp thành hoàng cũng là tổ nghề và cho dù tổ nghề là nam hay nữ thì đều là nhân thần, được các phường nghề, làng nghề lập đình, đền, miếu để thờ (Nguyễn Thị Thanh, 2017, tr. 1). Việc cộng đồng làng Lưu Thượng khôi phục tín ngưỡng thờ tổ nghề trong đình là hoàn toàn phù hợp với xã hội đương đại, đáp ứng nhu cầu đời sống tâm linh của người làm nghề. Tổ nghề không chỉ có công dạy nghề mà là người có đức độ, phẩm chất cao thượng, khi mất thường hiển linh, che chở, bảo vệ, mang lại sự an bình cho dân làng, nên suy tôn tổ nghề làm phúc thần. Điều này cho thấy, văn hóa Việt Nam đã tiếp biến nhiều hệ tư tưởng khác nhau, song sự tiếp biến đó dựa trên cơ cấu của hệ giá trị mà lòng nhân ái là nền tảng, chủ nghĩa yêu nước là trục quy tâm, tinh thần cộng đồng là yếu tố nổi trội và sự thích ứng là giải pháp hữu hiệu (Bộ Văn hóa - Thông tin, Cục Di sản văn hóa, 2005, tr.18).

3. Tín ngưỡng thờ cúng tổ nghề

Tín ngưỡng thờ tổ nghề ở người Việt xuất phát từ nguyện vọng của người làm nghề thủ công muốn biểu dương, ca ngợi những thành quả lao động và tưởng nhớ tới tổ nghề, mong muốn tổ nghề phù hộ cho làng nghề phát triển. Việc phụng thờ tổ nghề là nhân vật lịch sử hay nhân vật huyền thoại thì cốt lõi của tín ngưỡng này vẫn là khẳng định và tôn vinh nghề nghiệp. Có thể nói, tín ngưỡng thờ tổ nghề là một nét đẹp trong văn hoá truyền thống của người Việt. Từ xưa đến nay, trong tâm thức của người làm nghề thủ công, tín ngưỡng thờ tổ nghề không chỉ giữ vai trò mang tính yếu tố tâm linh mà còn có cả vai trò cố kết cộng đồng xã hội của những người cùng nghề nghiệp. Tín ngưỡng này vừa thể hiện sự tri ân với người truyền dạy nghề và tạo dựng bản sắc văn hóa thông qua các hình thức thực hành nghi lễ cúng giỗ tổ nghề, vừa quảng bá sản phẩm của làng nghề. Việc tôn vinh tổ nghề đan lát tại các làng nghề ở đồng bằng châu thổ Bắc Bộ là hiện tượng khá phổ biến. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi tiếp cận một số nơi có thờ tổ nghề đan lát như: Làng Nội Lễ (xã An Viên, Tiên Lữ, Hưng Yên) suy tôn ông Trần Ứng Long vừa làm tổ nghề đan thuyền vừa là Thành hoàng bảo hộ cho dân làng (căn cứ theo hồ sơ xếp hạng di tích và bản văn tế Thanh hoàng); Làng Tát

Viên (xã Thủ Sỹ, Tiên Lữ, Hưng Yên) suy tôn bà Hoàng Hón Huệ làm tổ nghề đan dó; và trong trường hợp nghiên cứu này là làng Lưu Thượng suy tôn bà Nguyễn Thảo Lâm làm tổ nghề đan cỏ tể. Đây là các vị tổ nghề đều được tôn là chính thần thờ trong cung cấm của ngôi đình. Ngoài ra còn có Làng Phú Vinh (xã Phương Nghĩa, huyện Mỹ Đức), suy tôn xưng ông Nguyễn Văn Xôi làm tổ nghề mây tre đan nhưng chỉ phối thờ ở tiền tế đình. Điều này cho thấy, tín ngưỡng thờ tổ nghề đan lát của người Việt rất đa dạng về đối tượng, nguồn gốc, giới tính và phong phú về hình thức thờ cúng.

Ở thôn Lưu Thượng, việc thờ tổ nghề ngoài ca ngợi tổ nghề là người có công truyền dạy nghề cho người dân địa phương, còn biểu dương những người thợ thủ công tài giỏi có sáng kiến tạo ra những sản phẩm mới, tinh xảo được cộng đồng, xã hội thừa nhận và đề cử các danh hiệu cao quý, như nghệ nhân dân gian, nghệ nhân bàn tay vàng, nghệ nhân ưu tú, nhờ đó mà làng nghề trở nên nổi tiếng. Điều này cũng đồng quan điểm cho rằng: “Việc thần thánh hóa những người thợ thủ công tài giỏi, những ông tổ nghề các nghề vốn là một đặc điểm phổ biến của truyền thuyết ở nhiều nước. Về ý nghĩa, nó thể hiện nguyện vọng của nhân dân muốn biểu dương, ca ngợi những thành quả lao động, lý tưởng hóa nó, nâng nó lên thành những mẫu mực đẹp đẽ. Nhưng riêng ở Việt Nam nó lại mang một màu sắc khác: đó là biểu hiện cao đẹp của truyền thống “tôn sư trọng đạo”, “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, truyền thống ghi nhớ công ơn của tổ tông, gần là ông bà, cha mẹ mình, xa hơn, chung hơn là tổ tiên của dân tộc mình” (Kiều Thu Hoạch, 2006, tr. 59). Dù đứng trên góc độ nào thì tín ngưỡng thờ tổ nghề vẫn là hình thái ý thức xã hội và là một nhu cầu của xã hội, cũng là nguồn gốc của giá trị đạo đức, niềm an ủi, sự nâng đỡ về tâm lý. Tín ngưỡng là hệ thống niềm tin và cách thức biểu lộ đức tin của con người đối với những hiện tượng tự nhiên hay xã hội; nhân vật lịch sử hay huyền thoại có liên quan đến cuộc sống của họ nhằm cầu mong sự che chở, giúp đỡ từ Thành hoàng, tổ nghề mà người Việt thờ phụng. Các nhà nghiên cứu luận giải về tổ nghề, nếu theo nghĩa đen “Bách nghệ tổ sư” là tổ nghề của hàng trăm nghề. Nghề ở đây là những nghề thủ công, nghề của những người thợ. *Bách khoa thư làng Việt cổ truyền* định nghĩa: “Làng nghề là làng có phần lớn cư dân sống bằng một nghề hoặc nhiều nghề thủ công” (Bùi Xuân Đỉnh, 2022, tr. 57). Ở làng Lưu Thượng, lễ cúng giỗ tổ nghề được xem là ngày lễ quan trọng nhất trong năm, không chỉ có người dân địa phương mà còn cả người làng nghề khác đến tham dự. Họ dành nhiều tình cảm cho tổ nghề, từ lòng tri ân đến sự ngưỡng mộ, tôn thờ là tâm lý chung của những người làm nghề thủ công và nó trở thành tín tục truyền thống của người Việt. Việc thờ phụng và tôn vinh tổ nghề được xem là mỹ tục.

Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu và nền kinh tế thị trường, các làng nghề cạnh tranh nhau về thị trường tiêu thụ sản phẩm ngày càng khốc liệt hơn; cộng với xu hướng quay về cội nguồn, vừa nhằm bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống, vừa đảm bảo tín ngưỡng tâm linh đặc thù để tìm kiếm sự an toàn và kiểm soát rủi ro đang trở thành một hiện tượng văn hóa trong các làng nghề thủ công truyền thống. Những ứng xử như thế có thể được xem là một nỗ lực dùng thần linh hoặc những phép màu tác động vào tự nhiên để trấn an con người (Nguyễn Đăng Hựu, 2016, tr. 30). Từ kết quả quan sát, nghiên cứu thực địa dưới góc độ nhân học cho

thấy, tín ngưỡng thờ cúng tổ nghề được xem là một bộ phận quan trọng và là một trong những nhân tố cấu thành nên bức tranh văn hoá làng nghề nông thôn Việt. Cùng trong mạch nguồn của dòng chảy văn hoá tín ngưỡng, thờ cúng tổ nghề đan cở tế xuất phát từ nguyện vọng của nhân dân làm nghề muốn ca ngợi công đức và biểu dương thành quả lao động của tổ nghề tới hậu thế; đồng thời cũng thể hiện nét đẹp văn hoá truyền thống của người Việt.

Bản chất của tín ngưỡng thờ cúng tổ nghề có nét tương đồng như lễ cúng tổ tiên của người Việt, bởi các vị tổ nghề đều là nhân thần, với công truyền dạy nghề cho dân làng. Việc thờ tổ nghề đan cở tế ở Lưu Thượng đã trở thành nét sinh hoạt văn hóa tinh thần không thể thiếu với làng nghề. Cộng đồng cất cử người làm nghề, có tâm, trách nhiệm, am hiểu phong tục tập quán và gia đình không có tang, vợ chồng song toàn thay mặt cho cả làng nghề thắp hương tổ nghề hàng ngày. Ban quản lý di tích gồm 7 người là hội viên cựu chiến binh, hội viên người cao tuổi được làng bầu ra để quản lý, điều hành, thực hành nghi lễ. Hàng ngày, người trông coi đình mở cửa ba lần thắp hương Thành hoàng, tổ nghề vào lúc sáng sớm, trưa và chiều tối. Các ngày sóc vọng trong tháng, lễ tết trong năm, người đến thắp hương đông hơn ngày thường, nên các thành viên trong ban quản lý di tích tham gia tiếp nhận lễ vật của những người đến lễ và hướng dẫn hành lễ. Người đến lễ tự khăn cầu hay nhờ thủ đình khăn xin tổ nghề.

Theo tín tục, khi làm ăn phát đạt thì người làm nghề có lễ dâng báo lên tổ nghề và lúc công việc không thuận lợi thì họ thắp hương thỉnh cầu tổ nghề phù giúp. Tổ nghề là phúc thần rất gần gũi, thân thiện, luôn giám sát, theo dõi mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của làng nghề nên người làm nghề rất có niềm tin vào tổ nghề. Mỗi khi có việc đại sự, như động thổ xây nhà, mua xe ô tô, cưới xin, ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, các hộ trong làng đều mang lễ ra đình thắp hương, xin tổ nghề phù hộ. Bà N.T.T tâm sự: *“Gia đình tôi đã có ba thế hệ làm nghề là ông nội, bố mẹ và tôi. Tổ nghề có công dạy nghề cho mình. Mình có nghề để làm, có thu nhập thì phải nhớ ơn tới tổ nghề. Mọi việc lớn trong gia đình, tôi đều ra đình thắp hương khấn tổ nghề xin phù hộ làm nghề được may mắn, thuận lợi”*. Đây cũng được xem là nhu cầu tâm linh của cá nhân, cộng đồng nhằm đảm bảo an ninh con người. Điều này thể hiện trong quá trình thực hành nghi lễ, đọc chúc văn, bao sái đồ thờ, thay xiêm y mới, xin âm dương, kiêng tên húy không đọc thành lời, bái tạ sau mỗi lần cử hành tế lễ trong ngày hội; dâng các sản phẩm đan lát tiêu biểu của những người thợ giỏi; tất cả là thể hiện sự tri ân công đức với tổ nghề theo tập tục của địa phương được thể hiện rõ nhất trong lễ cúng giỗ tổ nghề.

4. Lễ cúng giỗ tổ nghề

Trong lễ giỗ tổ nghề, lễ vật dâng cúng gồm lễ mặn và lễ chay. “Vật hèm” là nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm đan tiêu biểu của làng nghề (nếu là dịp hội làng thì đặt trên kiệu thờ tổ nghề), diễn trình nghi lễ được ấn định và thành phần tham dự có cả người trong và ngoài làng. Đây là đặc điểm chung của lễ giỗ tổ nghề (nhiều khi được tổ chức quy mô thành hội) của người Việt ở vùng châu thổ Bắc Bộ. Ở làng Lưu Thượng, dân làng tổ chức hội theo “xuân thu nhị kỳ”. Với mùa xuân, vào ngày mừng 2 Tết tại đình, Trưởng Ban quản lý di tích thắp hương khấn xin tổ nghề cho dân làng “mở hàng” làm nghề; ngày lễ hiên thánh Thành hoàng

Lý Phục Man vào ngày 10 tháng Hai. Mùa thu có lễ đản sinh Sỹ Nhiếp vào ngày mùng 1 tháng Tám; giỗ tổ nghề chính hội vào ngày 15 tháng Mười. Trong các ngày lễ trên, lễ giỗ tổ nghề được xem là quan trọng nhất, quy mô lớn, không chỉ có người làm nghề ở trong làng, mà còn cả người làng đi ăn xa cũng về dự hội, thời gian tổ chức lễ hội trong 3 ngày.

Để chuẩn bị cho ngày lễ được long trọng, từ trước vài tháng, Trưởng Ban quản lý di tích phân công mọi việc cụ thể cho từng nhóm người, cá nhân. Đến ngày lễ ai vào việc ấy, như Ban Khánh tiết lựa chọn người viết - đọc văn tế, bao sái đồ thờ, tế lễ; Ban Hậu cần lo mời các đại biểu về dự lễ, đón tiếp khách, ghi công đức; Hội Phụ nữ tham gia đội hình đoàn rước kiệu tổ nghề; Đoàn Thanh niên tham gia rước cờ, khiêng kiệu; Hội Cựu chiến binh đảm nhiệm an ninh trật tự,... Từ ngày hôm trước, mỗi gia đình cắt cử một người ra đình quét dọn vệ sinh, trang trí kiệu thờ, treo cờ thần, cờ Tổ quốc. Trong đình, các đồ thờ đều trang trí màu đỏ, vàng thể hiện sự linh thiêng. Tuần tự buổi lễ theo các bước chung ở các làng nghề truyền thống là rước bát hương tổ nghề, Thành hoàng từ trong đình ra, đặt lên kiệu để ở ngoài sân rồi rước kiệu đi quanh sân đình một vòng để cho các vị thần linh thấy sự phát triển của làng nghề. Với những năm tổ chức lớn, kiệu Thành hoàng và kiệu tổ nghề được rước đi quanh làng, mang ý nghĩa giám sát, theo dõi và phù hộ làng nghề phát triển.

Lễ vật dâng cúng trong ngày giỗ tổ nghề do Hội người cao tuổi của thôn đề ra, nhiều hay ít theo từng năm, gồm có lễ mặn (1 thủ lợn, gà) và lễ chay (xôi 1 mâm, cau trầu một buồng, 1 chai rượu, bánh kẹo, hoa quả, hương vàng) mang tính đại diện chung cho làng nghề. Các thành viên trong đội tế phải là người có chức sắc hoặc giữ vai trò quan trọng trong làng nghề, thường là người được Nhà nước vinh danh nghệ nhân hay người có uy tín lớn với làng nghề. Ông N.V.L tâm sự: *“Những thành viên trong đội tế không cần phải kiêng kỵ chay tịnh, kiêng tuổi sao Thái Bạch, vợ mất, sinh con một bề; tất cả đều được ra đình tham gia vào đội tế, miễn là có sức khỏe, tham gia nhiệt tình”*. Cũng như các làng nghề khác, những người cao tuổi trong làng luôn giữ vị trí chủ đạo trong buổi tế, trong đó người cao tuổi nhất, có sức khỏe được đứng chủ tế, còn bồi tế thì tùy theo ngôi thứ tuổi từ thấp đến cao.

Theo lệ tục của làng nghề, năm tổ chức đại đám (hội lớn) hay hội lệ, chủ tế đều phải mặc trang phục màu đỏ, các thành viên khác vận trang phục màu xanh. Nội dung của văn tế vừa ngợi ca công đức tổ nghề, vừa báo công về sự phát triển của làng nghề, với mong muốn việc làm nghề được hanh thông thuận lợi. Sau kết thúc nghi thức tế lễ, các dòng họ, gia đình, đoàn thể lần lượt vào thắp hương và tham dự bữa cơm cộng cảm tại sân đình. Buổi chiều có phần hội, với nhiều trò chơi dân gian mang tính thể thao, sức khỏe, trí tuệ, văn nghệ và trình diễn nghề chẻ nan, đan cỏ tế và dâng sản phẩm hoàn thiện đặt trước ban thờ để trình báo với tổ nghề. Ngày 16 tháng Mười, các thành viên trong Ban Khánh tiết làm lễ cúng tạ và kết thúc hội.

Kết luận

Kết quả khảo cứu về tín ngưỡng thờ cúng tổ nghề ở làng nghề Lưu Thượng từ truyền thống đến việc khôi phục gần đây cho thấy, tín ngưỡng này không chỉ tạo ra sự kết nối cộng đồng xã hội bền chặt, mà còn tạo nên khung cảnh mới, khí thế mới trong ngày hội làng. Xuất

phát từ truyền thống “tôn sư trọng đạo”, “uống nước nhớ nguồn”, “có thờ có thiêng”, chính quyền và người dân thôn Lư Thượng đã thảo luận phương án khôi phục tín ngưỡng và giỗ cúng tổ nghề vừa đáp ứng nhu cầu đời sống tâm linh, vừa quảng bá, giới thiệu làng nghề. Từ đó từng bước “chuyển hóa” và “nâng cấp” tổ nghề ngang hàng với Thành hoàng để trở thành phúc thần bảo hộ cho làng nghề phát triển. Nhờ đó mà tín ngưỡng thờ tổ nghề đan cở tế làng Lư Thượng được lưu giữ, kể truyền qua nhiều thế hệ và mang một bản sắc văn hóa riêng. Đó là sự dung hợp văn hóa thờ nữ thần với thờ nam thần trong không gian di tích đình làng vốn chịu ảnh hưởng sâu đậm của tư tưởng Nho giáo, từ đó tỏa sáng một di sản văn hóa đương đại trong dòng chảy văn hóa truyền thống. Có thể nói, chính quyền địa phương và cộng đồng nhân dân làng Lư Thượng đã phối kết hợp với nhau trong thực hành tín ngưỡng thờ giỗ tổ nghề, không tạo ra sự đối đầu hay mâu thuẫn, xung đột trong tổ chức lễ hội như một số lễ hội khác trong những năm gần đây, mà ngày càng thể hiện sự sáng tạo “có hồn”, sức sống đa dạng văn hóa trong đời sống xã hội đương đại.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Văn hóa - Thông tin, Cục Di sản văn hóa (2005), *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*, Nxb. Hà Nội.
2. Phan Văn Các (2001), *Từ điển Hán - Việt*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
3. DiGregorio, Michael (2007), "Things held in common: Memory, space and the reconstitution of community life", *Journal of Southeast Asian Studies* 38 (3), pp. 441-465.
4. Bùi Xuân Đính (2022), *Bách khoa thư làng Việt cổ truyền* (xuất bản lần 2), Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật.
5. Kiều Thu Hoạch (2006), *Văn học dân gian người Việt góc nhìn thể loại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Đăng Hựu (2016), “Tâm linh và ma thuật: Tìm kiếm an ninh tinh thần trong giao thông ở Việt Nam đương đại”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 9&10 (158), tr. 27- 44.
7. Nguyễn Thị Thanh (2017), *Tín ngưỡng thờ cúng tổ nghề ở quận Hoàn Kiếm (truyền thống và biến đổi)*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội.